

Vai trò của nữ giới xưa và nay trong Phật giáo Nam Tông Kinh

ISSN: 2734-9195 07:45 20/10/2025

Nữ giới là một trong những đối tượng được bậc Thánh quan tâm hết mực và nhờ thế được quyền chọn lựa đọa đày đau khổ kiếp nhân sinh hay giải thoát khỏi luân hồi sinh tử.

Tác giả: **Ths Nguyễn Ngọc Hùng**

và **Đặng Thị Minh Phượng**

Tóm tắt

Phật giáo ra đời từ thế kỷ VII, Trước tây lịch, đến nay (2024) trên 25 thế kỷ, Phật giáo mở ra cánh cửa giải thoát cho Trời và người (Thiên nhân Sư) khỏi nỗi khổ niềm đau và nhập vào dòng Thánh bất tử.

Nữ giới là một trong những đối tượng được bậc Thánh quan tâm hết mực và nhờ thế được quyền chọn lựa đọa đày đau khổ kiếp nhân sinh hay giải thoát khỏi luân hồi sinh tử.

Tiếc thay, tứ chúng đồng tu nay không còn đủ do thời gian mặc định bào mòn vì đã khuyết Tỳ khưu Ni và thay vào đó là Tu nữ giữ 8, 10 giới từ thế kỷ XIII cho đến ngày nay.

Từ khóa: Phật giáo Nguyên thủy, Phật giáo Nam tông Kinh, Tu nữ, Tỳ khưu Ni, Ni giới

Dẫn nhập

Kể từ khi Phật giáo ra đời ở Ấn Độ và lan tỏa toàn cầu đã đem lại bao lợi ích thiết thực cho chúng sinh nhưng bên cạnh đó đã nảy sinh nhiều vấn đề nan giải sau đó khi đạo Phật truyền thừa qua nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Ngay cả ở thời kỳ đầu tiên sau khi đức Phật tịch diệt 100 ngày đã có sự phân hóa do các cách nhận thức khác nhau của hàng đệ tử.

Hiện nay, ngay cả một quốc gia cũng hình thành nên nhiều dòng phái đoàn thể Phật giáo mới bên trong nền tư tưởng của đạo Phật và cũng bên trong nội tại của các đoàn thể dòng Phật giáo phái ấy có nhiều vấn đề nan giải khách quan do lịch sử để lại đã làm giảm đi sức mạnh đoàn kết nội bộ của đoàn thể Phật giáo dòng truyền thừa ấy.

Tuy vậy, nữ giới vẫn thể hiện vai trò Tu nữ quan trọng, ngày đêm hoạt động phật sự một cách tích cực xứng đáng với vị trí hiện có góp phần hoàng truyền giáo Pháp Phật Thích Ca rộng khắp đến với những ai hữu duyên kỳ ngộ.

Quá trình hình thành Tỳ kheo Ni và vai trò nữ giới

Phật giáo ra đời ở Ấn Độ từ thế kỷ VII, sau khi Thái tử Tất Đạt Đa xuất gia thành đạo năm 35 tuổi (624-35=589, trước Tây lịch). Từ khi ra đời đến nay, đức Phật được xem là “*nhà triết học vĩ đại*”, là bậc Thánh của cả Trời và người, sự hiện thân của Ngài vượt không gian và thời gian.

Cả nhân loại từ khi Ngài xuất hiện đến nay không một nền triết học nào có thể so sánh với giá trị minh triết mà Ngài đã phát hiện, truyền đạt “*...Sau khi thuyết giảng Vi Diệu Pháp cho chư Thiên trong ba tháng, Ngài đã rời cõi trời Đạo Lợi và ngự xuống thành Sankassa*”[1].

Những quy luật mà đức Phật phát hiện ra như cái này có cái kia có, cái này không cái kia không, mười hai duyên khởi, Nghiệp và quả của Nghiệp, Vi Diệu Pháp...là bất di bất dịch và bất hủ, không có sự tranh cãi đúng sai của các triết gia nhiều quốc gia, nhiều thế hệ bởi không có phản biện nào về nội dung Ngài thuyết pháp, công bố.

Các triết gia của các nền triết học ra đời sau Bậc Đạo Sư cả ngàn năm trở lên với các học thuyết ấy có thể chưa hoàn toàn chính xác, còn tranh cãi duy tâm duy vật, đúng sai, cao thấp. Nhưng với nền triết học Phật giáo đi trước thời đại đã lan tỏa toàn cầu đến nay thì không một ai có thể phản biện, phải cuối đầu tâm phục khẩu phục và không thể nào lý giải được sự minh triết và hoàn hảo của nền triết học Phật giáo bởi đến nay vẫn còn giá trị khoa học và nhiều vấn đề khoa học vẫn chưa lý giải được. Chúng ta cũng chỉ là phàm phu tục tử khi không (chưa) chứng đắc tuệ phân tích nên không thể có thiên nhãn nhìn thấu suốt như bậc Thánh Chính Đẳng Chính Giác tu luyện 100 ngàn đại kiếp và 4 A Tăng Kỳ.

Thời kỳ đức Phật còn tại thế những ai xuất gia theo Ngài mặc nhiên sự kỳ thị giai cấp không còn nữa, nó bị xóa bỏ hoàn toàn, chỉ một hình tướng duy nhất là Sa môn Gotama đầu tròn áo vuông và đến nay nhiều quốc gia chưa làm được

về bình đẳng giai cấp và thể hiện được vai trò quan trọng và cần thiết của nữ giới trong đời sống.

“... Ví như, này Pahàrada, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Sarabhù, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn. Cũng vậy, này Pahàrada, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố, họ từ bỏ tên và họ của họ từ trước, và họ trở thành những Sa-môn Thích tử....”[2]

Phật giáo ra đời nhằm xóa bỏ nỗi khổ niềm đau muôn đời của loài người luân búa vây từ kiếp này sang kiếp khác. Nỗi khổ về giới về giai cấp luôn đày đọa con người bất kể ở quốc gia nào, thời gian nào đã được giải quyết thành công ít ra chỉ những ai đi theo Ngài chứ không hoàn toàn bao trùm toàn xã hội Ấn Độ bấy giờ cũng như nay ở các nước khác.

Phật giáo đem lại sự giải thoát và bình đẳng cho các giai cấp trong bối cảnh xã hội phân biệt giai cấp rất nặng nề. Sự nỗ lực giải thoát của Ngài dành cho chúng sinh rất lớn, tất nhiên bối cảnh lịch sử có sự khác biệt và còn phụ thuộc vào duyên hữu tình của chúng sinh. Vai trò và quyền hạn, khả năng tâm linh của nữ giới được đức Phật quan tâm rất đúng mức vì thế họ được xuất gia, chứng Thánh là một trong sự quan tâm ấy.

Trong Kinh văn, đức Phật liệt kê vai trò làm mẹ làm vợ của nữ giới được đề cập rất rõ nét, chi tiết. Người mẹ được xem ngang với Phạm Thiên, đồng thời khuyên con cái phải kính lễ người mẹ (cha), hai đấng sinh thành: *“Phạm Thiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha”*[3]

Bên cạnh đó, Như Lai đã liệt kê vợ có đến bảy loại và nêu đặc điểm của họ, trước khi làm mẹ thì phải làm vợ và một trong số họ là những người mẹ, người vợ tuyệt vời.

- 1: vợ như sát nhân.
- 2: vợ như ăn trộm.
- 3: vợ như người chủ.
- 4: vợ như mẹ.
- 5: vợ như em gái.
- 6: vợ như bạn.
- 7: vợ như người phục vụ[4].

Sự thành tựu của Phật giáo là không thể nghĩ bàn, hàng triệu triệu người đã trở thành tín đồ của Phật giáo và thoát khỏi nỗi khổ kiếp người và không còn tái

sinh để chịu khổ về giới về kỳ thị giai cấp sau khi chúng đạt các Thánh quả. Nữ giới trong đó có không hiếm và chúng ta dễ dàng tìm thấy khi đọc Thánh điển Tam tạng. Theo Kinh điển Phật giáo Nguyên thủy, người phụ nữ đầu tiên trở thành Tỳ kheo Ni là Maha-prajapati Gotami (Di mẫu), dì và cũng là kế mẫu của Thái tử Tất Đạt Đa và sau này đi tu trở thành bậc Giác Ngộ.

Để trở thành Tỳ kheo Ni, Di mẫu Gotami đã phải trải qua bao thử thách khó khăn và bà đã xứng đáng xa hơn nhiều với thành công này vì là người đưa nữ giới gia nhập dòng Thánh, góp phần giúp nữ giới được bình đẳng giới nếu gia nhập tứ chúng đồng tu mà trước đó chưa hề có.

Để được xuất gia sống trong Pháp và Luật của đức Phật là không hề đơn giản đối với Di mẫu Gotami bởi có tới nhiều lần bà bị thử thách, khước từ. Sự từ chối đó chính là sự rèn luyện nữ giới phải thể hiện nỗ lực nhiều hơn nữa trong vai trò Tỳ kheo Ni sau này nhằm đem lại những thành tựu, đồng thời làm giảm đi sự tai hại đáng kể từ nữ giới mà đức Phật nhìn thấy sẽ xảy ra.

Với ý chí xuất gia mãnh liệt, Di mẫu Gotami vẫn không từ bỏ và đến lần thứ tư Di mẫu đã thành công cùng 500 vương phi đi bộ chân đất từ thành Kapivathu đến Đại Lâm (khu Mahavana) gần khu Mahavana thành Vesali khoảng 500 do tuần để gặp đức Phật đang trú ngụ.

Tại khu Mahavana, Đại đức Ananda đã thành công xin với đức Phật cho Di mẫu được xuất gia nhưng Di mẫu phải thọ nhận 8 trọng pháp. Bà vui vẻ thọ nhận và trở thành Tỳ kheo Ni đầu tiên, mở đường cho nữ giới được bình đẳng, có quyền chọn lựa thay vì làm nội trợ và sự kỳ thị về giai cấp, về giới tính. Một trong số tám trọng pháp ấy là:

“Tỳ kheo ni đã tu lên bậc trên được một trăm năm nên thực hiện sự đánh lễ, sự đứng dậy chào, sự chắp tay, (và) hành động thích hợp đến vị tỳ kheo vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, tôn kính, cúng dường, và không được vi phạm cho đến trọn đời. Nay bà Gotamī, nếu bà có thể thọ nhận tám Trọng Pháp này thì chính điều ấy sẽ là sự tu lên bậc trên đối với bà.”[5]

Sau sự việc nữ giới được xuất gia, giáo Pháp đức Như Lai có nhiều hơn 500 Tỳ kheo Ni thực hành Pháp và tất cả đạt được những quả vị từ Dự Lưu đến A La Hán (Trung bộ Kinh, bài Kinh 146) sau thời gian hành trì tu tập. Ta có thể nêu một vài ví dụ tiêu biểu cho đến nay vì đó là những con số vô vàn không thể đếm và đạt nhưng thành tựu không thể nghĩ bàn về nữ giới đã gia nhập dòng Thánh.

Việc Di mẫu Gotami rất quyết tâm, rất nhiều lần và khó khăn trong việc xuất gia bởi trong Pháp và Luật của đức Như Lai, sự ảnh hưởng và có thể gây hại từ nữ giới là điều có thể xảy ra. Đức Phật đã phòng xa nhằm hạn chế tối thiểu tác hại ấy vì Ngài đã thấy rõ Thánh Pháp tồn tại chỉ còn năm trăm năm, tức là chỉ còn một nửa. Biết trước điều ấy sẽ có nên Bát Kính Giới và giới Luật là sự nghiêm khắc ngăn giảm phần nào sự gây hại ấy cho Ni giới và giáo Pháp.

Chưa kể, đức Phật còn chế định nhằm bảo vệ họ không bị tấn công bởi kẻ xấu, vì nữ giới là đối tượng dễ bị xâm hại, nhất là thân cô thế cô, vì vậy cần phải có Tăng đoàn bảo vệ:

“...Vị tỳ khuru ni nào sống mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỳ khuru thì phạm tội pācittiya (ưng đối trị).”[6]

Hay giáo dục họ thực hành giáo Pháp nhiều hơn nhằm ngày một tăng trưởng quảng đại góp phần thành tựu Pháp mà cả nam và nữ đều có khả năng thành tựu các đạo quả:

“Vị tỳ khuru ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỗi hai việc từ hội chúng tỳ khuru: việc hỏi ngày lễ Uposatha và việc đi đến (để nghe) giáo giới; nếu vượt quá hạn ấy thì phạm tội pācittiya (ưng đối trị).”[7]

“...Này Ānanda, cũng giống như những gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thường dễ bị các kẻ cướp, các kẻ trộm đột nhập;

... này Ānanda, cũng tương tự như thế, trong Pháp và Luật nào người nữ đạt được sự xuất gia rời nhà sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

Này Ānanda....tám Trọng Pháp do ta chính vì phòng xa đã quy định cho các tỳ khuru ni cho đến trọn đời không được vi phạm.” [8]

Hội chúng Tỳ khuru (Tỳ kheo) Ni ngày càng phát triển đồng nghĩa những chế định về các việc nên thực hiện và không nên làm dành riêng cho Ni giới ngày một nhiều và dừng lại ở con số 311 học giới so với Tỳ khuru chỉ 227 học giới mà thôi. Để được bình đẳng giới và xóa bỏ kỳ thị giai cấp, các cô Ni phải viễn ly thân và tâm, tránh xa đời sống xã hội đầy bất ổn bất an và kỳ thị (nếu có), gia nhập vào tứ chúng, phải chấp nhận các chế định và hòa nhập vào đời sống Sa môn mới có thể xuất gia tập sự (Sa di) và tu lên bậc trên.

Hiện nay, cánh cửa thiền môn thanh tịnh cũng luôn rộng mở với nữ giới và trong các tự viện đều có mặt các cư sĩ nữ, Tu nữ tham gia góp phần cho tứ đồng đồng tu luôn khởi sắc cũng không khác mấy xưa về tu tập dù hình tướng có đổi thay.

Đức Phật đã chế định các học Pháp nhằm ngăn giảm sự gây hại cho giáo Pháp, cho các cô ni tu tập sự (sikkhamānā) chưa thực hành sự học tập về sáu Pháp trong hai năm và không một Tỳ khưu Ni nào dám tiếp độ nếu họ học Pháp chưa hoàn thành: *“Vị tỳ khưu ni nào tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm thì phạm tội pācittiya.”*[9]

Đồng thời, cô ni tu tập sự không vi phạm một trong hai mươi bốn pháp chướng ngại nhằm ngăn chặn những điều có thể gây hại...nghĩa là phải trong veo, trong sạch hoàn toàn về thân về tâm: *“Này các tỳ khưu, ta cho phép vị đang cho tu lên bậc trên được hỏi về hai mươi bốn pháp chướng ngại...”*[10]

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ khưu hỏi các cô Ni những pháp chướng ngại có phạm pháp nào không. Các cô có ý muốn tu lên bậc trên trở nên bối rối, bị mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các Tỳ khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn và họ được răn dạy: *“Này các tỳ khưu, ta cho phép sự tu lên bậc trên ở hội chúng tỳ khưu đến người nữ đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng tỳ khưu ni, (và) được trong sạch.”*[11]

Từ sau sự việc này các cô Ni muốn tu lên bậc trên phải trải qua hai Tăng chúng: Hội chúng Ni hỏi trước và Hội chúng Tăng hỏi sau, khi các cô Ni đạt yêu cầu.

Kể từ khi nữ giới được phép xuất gia bởi Tỳ khưu hay Tỳ khưu Ni, chúng ta cần phải hiểu, xác định rõ, chính xác từng thời điểm sự thay đổi lúc nào các cô Ni được phép xuất gia với Tỳ khưu và với nhị bộ Tăng:

Các cô Ni được tu lên bậc trên với các Tỳ khưu, không cần có các Tỳ khưu Ni tham dự, chỉ một phía từ các Tỳ khưu mà thôi (trường hợp này có 500 Vương Phi tộc Sackya xuất gia trở thành Tỳ khưu Ni).

Thời gian sau, đức Phật sửa đổi, bổ sung quy định cô Ni muốn tu lên bậc trên phải thực hiện một phía từ các hội chúng Tỳ khưu Ni hỏi trước, sau đó, đạt các điều không phạm chế định mới đến hội chúng Tỳ khưu hỏi sau. Lý do bởi các Tỳ khưu Ni tương lai ấy bối rối và mắc cỡ không thể trả lời thoải mái, rành rọt 24 pháp chướng ngại cho nên đức Phật thay đổi câu hỏi đáp ấy cho các Tỳ khưu Ni thực hiện hỏi trước nhằm thoái mái không bị mắc cỡ và dễ dàng hơn.

Như vậy, Tỳ khưu Ni chính thức hình thành và ra đời trong giáo Pháp của đức Phật, trở thành một bộ phận hoàn chỉnh trong tứ chúng đồng tu bấy giờ: Tỳ khưu, Tỳ khưu Ni, cư sĩ Nam, cư sĩ Nữ. Để có được thành công ấy, Di mẫu Gotami và các Vương phi đã vượt qua bao thử thách, đồng thời điều ấy nói lên sự công nhận khả năng có thể chứng đắc đạo quả của nữ giới.

Nhiều cô Ni có khả năng hùng biện xuất chúng và diễn giảng mạch lạc cho vua chúa và các quý tộc bấy giờ nghe hiểu, không khác gì các Trưởng lão Tăng cộng với lòng bi mẫn của đức Phật đã mở ra cơ hội cho nữ giới được nhập vào dòng Thánh, trở thành bậc Thánh dù Thánh Pháp có giảm đi một nửa cũng như những tác hại mà nữ giới sẽ gây ra, dù Phật giáo vừa giúp phụ nữ đạt được mục đích cứu cánh, đỉnh cao của đời sống phạm hạnh vừa tránh thoát được hoàn toàn các quan niệm thế tục về nữ giới.

Lòng bi mẫn của đức Phật về nữ giới được các quốc gia Phật giáo truyền thừa từ bi mở rộng không phân biệt giới tính, giai cấp, dân tộc, đẳng phái, già trẻ, lớn bé bởi nữ giới và tất cả họ đều có khả năng tâm linh không khác gì Tỳ khưu cho đến khi Tỳ khưu Ni bị hoại diệt vào thế kỷ XI ở Tích Lan. Các điều học mà đức Phật chế định gồm 311 học giới từng bước hình thành nhằm ngăn giảm tai hại nhưng đồng thời Tỳ khưu Ni được bình đẳng giới và không còn kỳ thị giai cấp suốt trong thời gian Tỳ khưu Ni còn tồn tại và nay là các Tu nữ.



Ảnh sưu tầm.

Những hoạt động của Tu nữ nâng cao vai trò xứng đáng của nữ giới hiện nay?

Những điều học quy định trong tạng Luật: bộ Phân tích giới Tỳ khưu Ni và Tiểu Phẩm 1, 2 (2014) đều được các hội chúng nghiêm túc thực hiện cho đến khi Tỳ khưu Ni bị hoại diệt ở Tích Lan (Sri Lanka) từ thế kỷ XI, sau Tây lịch “*Chứng tích cuối cùng về sự tồn tại của Hội chúng Ni Nguyên thủy trong một đất nước theo*

truyền thống Phật giáo Theravàda được ghi nhận ở Sri Lanka là vào thế kỷ XI "[12].

Từ sau thời gian này các quốc gia Phật giáo Nguyên thủy đều lần lượt vắng bóng Tỳ khưu Ni cho đến nay (2025), gây khó khăn rất lớn và hạn chế phần nào trong việc hoằng truyền Pháp Bảo Như Lai đến nữ giới.

Tứ chúng đồng tu bị khuyết hội chúng Ni giới và quyền bình đẳng giới của Ni giới không còn mạnh mẽ như trước. Nữ giới đã chấp nhận và an phận với thân phận khác như Tu nữ, cư sĩ có giới nhưng số lượng và chất lượng nữ giới xuất gia không hề thuyên giảm.

Hầu hết nữ giới các nước quốc giáo như Thái Lan, Myanmar, Tích Lan, Việt Nam...đều chấp nhận nữ giới ở vai trò Tu nữ giữ 8 hay 10 giới nhằm duy trì cho được giáo Pháp cho các thế hệ kế thừa dù có sự khó khăn phần nào ở hình tướng. Họ chỉ quan tâm đến tâm linh làm sao bước vào dòng Thánh chứ không quan tâm đấu tranh "*bình đẳng giới tính*" hay kỳ thị giai cấp gì.

Việt Nam kể từ sau khi Phật giáo Nguyên thủy được truyền thừa từ năm 1938 bởi Sơ Tổ Hộ Tông và các cư sĩ Nguyễn Văn Hiếu, Vãng Công Hương, Đoàn Văn Hộ...đến nay 2025 cũng đã 87 năm. Mãi đến 1945, Hội chúng Tu nữ mới được hình thành từ chùa Bửu Quang, ấp Gò Dưa, xã Tam Bình, huyện Thủ Đức, Sài Gòn (nay thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh).

Vị Tu nữ đầu tiên theo Phật giáo Nguyên thủy xuất gia tại chùa Sùng Phước năm 17 tuổi (1941), ở Nam Vang, Campuchia, pháp danh là Diệu Đáng tên Pāḷi là Vissutañāṇī (người có trí tuệ lấy lòng).

Ni Trưởng Diệu Đáng là Tu nữ Việt Nam đầu tiên sang Myanmar "*học để tu*" và thi đậu chương trình Phật học. Ni Trưởng Diệu Đáng có thể nghe nói đọc viết các ngôn ngữ: Việt, Pháp, Hoa, Khmer, Miến Điện, Pali và Thái Lan và là bậc trí thức có đức hạnh và học vấn giỏi. Thị giả cho Ni Trưởng Diệu Đáng là Cô Tư Bông, bên cạnh đó cùng thời có nhiều Tu nữ cũng xuất gia sau đó không lâu và trú xứ tại chùa Bửu Long như: Cô Diệu Hóa (A Cha dẫn kinh), Cô Diệu Thành, cô Diệu Mai, Tu nữ Diệu Ngọc trú xứ tại chùa Bửu Quang, một trong những Tu nữ giai đoạn đầu tiên, sinh năm 1913, mất 2016, thọ 103 tuổi.

"Ở Việt Nam, Ni trưởng Diệu Đáng được xem là vị tổ khai sáng dòng phái Tu nữ Nam Tông vì bà là người đầu tiên vừa có đạo hạnh vừa có học thức uyên bác" [13].

Sau thời gian du học tại Myanmar, năm 1966, Ni Trưởng Diệu Đáng trở về Việt Nam hoằng pháp tại chùa Bửu Long và trở thành Ni Trưởng của Hội chúng Tu nữ

Phật giáo Nam tông Kinh Việt Nam. Tính từ 1945, nữ giới không ngừng xuất gia tầm cầu đạo pháp, dù số lượng vẫn còn khiêm tốn nhưng theo số liệu năm 2023 của Tỳ Khưu Chánh Minh[14] là 700 vị. Nhưng theo TN.Ts Mỹ Thúy thống kê năm 2021 là 800. Như vậy, qua thời gian có tăng giảm theo các con số trên[15].

Hiện nay, nhiều Tu nữ có trình độ đại học, thông thạo ngoại ngữ, du học nước ngoài như các Tu nữ chùa Như Pháp, Vĩnh Long, thậm chí còn là Tiến sĩ, giảng dạy tại Học viện Phật giáo TP.HCM như Tu nữ Mỹ Thúy, thành viên Trung tâm Pali học tại Học viện. Đơn cử như một Tu nữ ở Đồng Nai mà chúng tôi phỏng vấn tóm tắt vị Tu nữ ấy:

“Trình độ văn hóa: tốt nghiệp Đại học Tổng Hợp năm 1996. Sau đó theo học thiền với nhiều vị thầy từ 1998 trên khắp thế giới. Tháng 9 năm 2010, xuất gia và thiền tập từ 2010 đến 2016 tại Myanmar main centre PaAuk. Phụ biên dịch với thiền sư Revata (quyển thức tỉnh đi! Thế gian ơi! Pali dịch thuật và ứng dụng thiền trong đời sống cho cư sĩ ...). Năm 2017, thành lập Hoa Tâm Tự nhằm thực hành Giới Định Tuệ và tạo điều kiện cho những ai muốn thực hành giáo pháp Bốn Sư tại bốn tự...”[16]

Tỳ kheo Ni ở các nước Phật giáo quốc giáo như Tích Lan, Myanmar... đã hoại diệt từ thế kỷ XI trở đi và thay vào đó là hình tượng Tu nữ được các Trưởng lão có thẩm quyền chấp nhận. Việt Nam ngoại lệ cũng như các nước quốc giáo Myanmar, Thái, Tích Lan... có phong trào *“tự khai phóng”* đòi quyền khôi phục lại vai trò của Tỳ khưu Ni đã vắng bóng.

Tháng 12 năm 1996, tại Sanath, Ấn Độ, 10 nữ giới Sri Lanka được thọ giới Cụ Túc, thực hiện phục hồi Hội chúng Ni do các Tỳ-khưu của hội Mahabodhi (Đại Giác) cộng với sự trợ giúp của các Tỳ-khưu-ni Hàn Quốc.

Tháng 2 năm 1998, tổ chức Phật Quang Sơn đặt trụ sở tại Cao Hùng, Đài Loan đã trợ giúp tổ chức truyền giới tại giới đàn Bodhgaya (Bồ đề đạo tràng) cho nữ giới đến từ nhiều quốc gia, trong đó có Tu nữ Việt Nam. Chư Tăng Ni Phật giáo Nguyên thủy, đại thừa (Mahāyana) từ nhiều nước đến tham dự, chứng minh...

Tháng 3 năm 2022, ở Việt Nam, Hòa thượng Viên Minh, Phó Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam khuyến khích các Tu nữ đến Sri Lanka thọ giới Tỳ kheo nên các Tu nữ: Liễu Pháp, Như Liên, Tịnh Nguyên đến Sri Lanka thọ giới. Tháng 7 năm 2004, có thêm Tu nữ Pháp Hỷ và Huyền Châu tiếp bước thọ giới Tỳ kheo tại đảo quốc này. Tám năm sau, tháng 7 năm 2012, Tỳ kheo Ni Liễu Pháp tổ chức giới đàn thọ giới Tỳ kheo Ni tại Ấn Độ cho gần 40 Tu nữ các quốc gia: Thái Lan, Malaysia, Ấn Độ và Việt Nam gồm: Tu nữ Liễu Tuệ, Tịnh Thành, Nhiệm Pháp, Tâm Pháp.

Tháng giêng 2015, cũng tại Sri Lanka, 3 Tỳ kheo Ni đến từ Tịnh An Lan Nhã cũng được thọ giới gồm: Tịnh Tâm, Tịnh Viên, Tịnh Mẫn. Tháng 6 năm 2015, tại Indonesia có thêm 2 Tỳ kheo Ni Tịnh Ý, Tịnh An được thọ giới đến từ Ni viện Viên Không. Cuối cùng, tháng 1-2016, Sư cô Liễu Pháp được 14 hạ nên làm thầy tế độ cho các Tỳ kheo Ni tương lai là Phước Hạnh, Chân Tâm, Minh Tâm.

Như vậy, từ 2006 đến 2016, tại Ấn Độ, Sri Lanka, Indonesia, 18 tu nữ trở thành Tỳ kheo Ni theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy (Nam tông Kinh).

Ở Việt Nam, giai đoạn 1957-1981, Giáo hội Tăng Già Nguyên thủy Việt Nam cấp giấy chứng nhận cho Tu nữ tu học tại các bổn tự. Từ sau 1981, Giáo hội Tăng Già Nguyên thủy Việt Nam càng ngày càng hoạt động suy yếu dần nên vai trò của Tỳ khưu, Tu nữ cũng bị lu mờ và dần không còn danh nghĩa của một tổ chức Giáo hội, các tự viện “*tự thân vận động*”.

Từ 1981, Giáo hội Tăng Già Nguyên thủy Việt Nam cùng 8 đoàn thể Phật giáo khác thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam thì Tu nữ không được công nhận bởi số lượng không nhiều lắm nên không được cấp giấy chứng nhận. Năm 2012, họ được cấp giấy công nhận là Tu nữ Phật giáo Nam tông. Trong Nội Quy Ban Tăng Sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở điều 15 ghi rõ:

“a. Tu nữ Phật giáo Nam tông Kinh, Khmer là những nữ tu xuất gia theo nghi thức và thọ giới biệt truyền của Phật giáo Nam tông”[17].

Năm 2015, Hội nghị cuối năm của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Tăng sự Phật giáo Nam tông Kinh kiến nghị Tu nữ Phật giáo Nam tông Kinh được phép có chức danh và tham gia vào các hoạt động Phật sự trong Hội đồng Trị sự các Tỉnh thành và Ban viện Trung Ương nơi có các tự viện Tu nữ tu học.

Hiện nay, ngoài chùa Diệu Quang (quận Tân Bình, TP. HCM) thì những tỉnh như Vĩnh Long có chùa Như Pháp thành lập năm 1994 do Tu nữ Mỹ Nhung trụ trì (đời thứ hai).

Năm 1985, Tu nữ Ngọc Duyên tạo lập chùa Siêu Lý tại huyện Thốt Nốt, Cần Thơ. Năm 2015, Tu nữ Pháp Đạt tạo lập Tịnh Thất Pháp Đạt tại Huyện Bình Chánh, TP. HCM. Tỉnh Đồng Nai có Ni viện Y Sơn lập năm 2000 do Tu nữ Diệu Đình thành lập.

Năm 2009, Ni viện Tịnh An Lan Nhã được tạo lập ở Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Sư cô Như Liên trụ trì. Năm 1999, Ni viện Viên Không được thành lập cho các Tu nữ giữ tám giới tu học. Năm 2013, Sư cô Liễu Pháp được giao quản lý Ni viện này đến nay (2025).

Ngoài ra, ở Huế có Tịnh Thất Gotami ở Phường Thủy Xuân và Ni viện Dhammadinna trong khu đất chùa Huyền không Sơn Thượng.

Hầu hết trên 106 tự viện Phật giáo Nam tông Kinh đều dành riêng khu vực cốc liêu cho Tu nữ tu học. Trong đó, Tổ đình Bửu Quang, chùa Bửu Long, chùa Pháp Quang, Phật Bảo... là một trong những cái nôi sản sinh và trưởng thành cho bao thế hệ... Tu nữ và cư sĩ hộ pháp.

“Năm 2020, quỹ Hộ trì Tu nữ Nam tông Việt Nam ra đời để giúp đỡ hỗ trợ Tu nữ khi tuổi già đau yếu, bệnh tật. Quỹ được sự quan tâm của chư Tăng Ni Phật tử từ nhiều nơi đóng góp. Quỹ được sự điều phối bởi sư cô Achan Diệu Tâm, chùa Diệu Quang, quận Tân Bình, TP. HCM và sư cô Mỹ Thúy, chùa Như Pháp, tỉnh Vĩnh Long là thư ký kiêm thủ quỹ”[18].

Tu nữ hiện nay trình độ Phật học trong các vùng miền cả nước còn nhiều chênh lệch và hạn chế, oai nghi tế hạnh chưa phù hợp với người xuất gia. Thiết nghĩ, kính xin kiến nghị trụ trì các tự viện chung tay soạn giáo trình đào tạo nâng cao chuẩn kiến thức.

Cần thống nhất về màu sắc y phục, oai nghi Tu nữ, về điều kiện trình độ văn hóa, về Pháp học Pháp hành tối thiểu. Có như thế các Tu nữ mới đủ khả năng tiếp cận và tìm hiểu giáo Pháp thấu đáo, thành tựu Pháp thành, khả năng tu mù (nếu có) của Tu nữ bị loại trừ nhằm xóa bỏ khoảng cách chưa đồng đều trên cả nước, từ đó vị thế của Tu nữ được nâng cao hơn.

Ngoài ra, nên có học bổng toàn phần khuyến khích Tu nữ sang các nước quốc giáo tiếp cận gần với các trường học nhằm nâng cao Pháp học không quá chênh lệch với các nước trong khu vực.

Tu nữ Việt Nam nếu so sánh với các vị Tu nữ các nước Myanmar, Thái, Tích Lan...còn rất khiêm tốn về số lượng, về độ tuổi, về trình độ văn hóa, về Pháp học Pháp hành. Khả năng sử dụng ngoại ngữ còn nhiều hạn chế, bất cập, khoảng cách cần chấn chỉnh, uốn nắn nhiều để xứng đáng hơn, sánh vai với Tu nữ các nước bạn. Cần bổ sung vào văn thư lưu trữ các hồ sơ quản lý pháp nhân pháp lý, bằng cấp học vị từng người, rút kinh nghiệm các giai đoạn trước không hề có hoặc có cũng như không. Đây là điều hạn chế của hệ thống lưu trữ, chư Tăng các tự viện nên dành riêng tủ hồ sơ lưu trữ văn thư nhằm cho các thế hệ sau khai thác.

Như vậy, kể từ khi Tỳ khưu Ni vắng bóng đến nay trên 10 thế kỷ (XI-XXI) các Trưởng lão các nước nổi tiếng vẫn y cứ vào Tam tạng Thánh điển, một Kim Chi Nam đưa đường dẫn lối Pháp học Pháp hành mấy nghìn năm qua. Các Trưởng

lão có thẩm quyền các nước Myanmar, Thái, Tích Lan, Việt Nam... trung thành với những kim ngôn cao thượng của đức Như Lai và kiên quyết thực hiện nghiêm túc những chế định trong tạng Luật đã ban hành áp dụng từ khi Đức Thế Tôn còn hiện tiền. Một Trưởng Lão Việt Nam chấp nhận phục hồi Tỳ kheu Ni nhưng một người thì chưa đủ thuyết phục cả hội đồng Tăng chúng chấp thuận.

Như vậy, sự quyết đoán của Chư Tăng Phật giáo Nguyên thủy giữ nguyên những chế định, nữ giới Phật giáo Nguyên thủy quyết tâm cầu đạo giải thoát đành phải chấp nhận sự lựa chọn của hiện thực, chọn lựa Pháp học Pháp hành phù hợp khác như chúng tôi có đề cập một phần trong bài.

Một là, xuất gia thành tu nữ Phật giáo Nguyên thủy (Nam tông) giữ 8, 10 giới chính thức và âm thầm giữ 311 giới như một Tỳ kheu Ni Phật giáo Nguyên thủy như trên chúng tôi có đề cập.

Thực hành giáo Pháp về thiền định, thiền tuệ, tam học giới nghiêm túc thì vẫn được mọi người xem là Tỳ kheu Ni, không ai nói ra công khai nhưng trong mắt mọi người đều thầm công nhận và đáng kính dù mang hình tướng Tu nữ.

Nội dung giáo Pháp tu học Giới Định Tuệ, tam học quan trọng hơn và hình tướng không nhất thiết là vậy, từ đó đạt được những thành tựu Thánh quả là điều có thể bởi giáo Pháp đức Phật không dành riêng bất kỳ ai, mỗi việc Pháp hành thành tựu Pháp mà thôi. Ai ai cũng có thể học Pháp và hành Pháp cho đến khi thành tựu, ai bảo có “*mật pháp*” của đức Như Lai là cần xem lại ý gì bởi chưa thuyết phục vì nói cần có sách mách có chứng, không dẫn nguồn ở Kinh tạng nào! (nếu có).

“...Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Ông hãy luôn luôn thuyết pháp thoại này cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ. Này Sàriputta, nếu có những người ngu si nào còn có những nghi ngờ, hay những do dự đối với Như Lai sau khi nghe pháp thoại này của Ta, sự nghi ngờ, do dự ấy của họ đối với Như Lai sẽ trừ diệt...”[19]

Căn cứ đoạn Kinh trên chứng tỏ giáo Pháp của đức Thế Tôn luôn được hoằng truyền ở cả bốn hội chúng, chỉ khác là đối tượng khác nhau sẽ nghe bài Kinh phù hợp với mình mà thôi. Các pháp tu tập đức Phật không giấu kín, không dành riêng cho bất kỳ ai, ai cũng có thể thực hành Pháp, nên không có cái gọi là “*Mật Pháp*” bánh vẽ.

Phẩm vị Tỳ kheu Ni là cần thiết ở các tổ chức Giáo hội tỉnh thành để hoàn chỉnh pháp lý pháp nhân đứng lớp giảng dạy nhằm duy trì giáo Pháp Phật Thích Ca. Tuy vậy, Giáo hội cũng đã có những ngoại lệ đặt cách, “*khế lý khế cơ*” nhằm

nâng cao vai trò “*tài năng của nữ giới*” khó tìm, trí tuệ vượt xa cả những người cùng tuổi trong hàng Tăng chúng, công nhận mà không cần phải chiếu theo quy định đặt ra.

Ví dụ: Một Tỳ kheo Ni có thể được tấn phong theo hệ thống pháp lý pháp nhân của Giáo hội là Tỳ kheo Ni Phật giáo Nguyên thủy nhằm công nhận họ có đủ tư cách đứng lớp giảng dạy...Trường hợp này cũng không ngoại lệ tại Học viện Phật giáo TP. HCM, một Sư cô Tiến sĩ xuất gia theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy, thọ giới Tỳ kheo Ni tại Sri Lanka hiện là Ủy viên trường trực Ban Phật giáo Quốc tế Trung Ương; Phó khoa Khoa Anh văn Phật pháp.

Giáo pháp đức Phật có đầy đủ tứ chúng đồng tu (Tỳ khưu, Tỳ khưu Ni, cư sĩ Nam, cư sĩ Nữ) nhưng không có nghĩa là phải đủ mới tu thành chánh quả được vì việc cần nhất là thực hành theo đường lối Pháp giải thoát đức Phật, cần thiết ở nội dung, Pháp hành Giới Định Tuệ áp dụng đối với bất kỳ ai, kể cả ngoại đạo chứ không nhất thiết phải có hình thức, hình tướng, phẩm vị mới hành Pháp được. *“Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu”*[20].

Bất kỳ hình tướng nào dù là Hòa thượng, Thượng tọa, Trưởng lão nhưng không học Pháp hành Pháp thì cũng chỉ là Trưởng lão ngu, ngược lại dù Sadi nhỏ tuổi nhưng chứng quả A La Hán vẫn được gọi là Trưởng lão như: Rahula chứng quả La Hán năm 21 tuổi[21], Ngài Sopaka, Ngài Sankicca, Ngài Sumana[22]...

Và *“khi nào chúng Tỷ-kheo có tín tâm, có tâm, có quý, có nghe nhiều, có tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”*[23]. Vì thế, học Pháp gì và hành trì thế nào cho xứng đáng với người con Phật đó chính là vấn đề chúng ta cần chọn lọc nhằm giải thoát Niết Bàn trong ngày vị lai, đó chính là mục tiêu hướng tới. Quan trọng là chúng ta thực hành được bao nhiêu học giới hay nghiêm túc giữ gìn được bao nhiêu giới Luật mà Đức Thế Tôn chế định chỉ đường ta đi. Trên thực tế:

“...Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ác giới, tính tình độc ác, sở hành bất tịnh, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng hiện tướng Sa-môn, không sống Phạm hạnh, nhưng hiện tướng có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, đầy những tham dục, tánh tình bất tịnh. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, đáng ghê tởm, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường...”[24]

Ngược lại dù là hình tướng nữ cư sĩ nhưng có vai trò cực lớn, hộ độ Tam Bảo không ngừng nghỉ và có niềm tin vào giáo Pháp tuyệt đối, hành Pháp đúng lời Thế Tôn dạy thì thành tựu Pháp là điều không thể nghĩ bàn, ta có thể nêu vài ví dụ:

Di mẫu “...Màhàpàjapati Gotamì là bậc Thánh Dự Lưu trước khi bà xuất gia. Trưởng giả Citta Macchikassandika; nữ cư sĩ ... tu Thiền, tối thắng là Uttarà Nandamàtà..”[25].

“...Này Vaccha, không phải chỉ một trăm, không phải hai trăm, không phải ba trăm, không phải bốn trăm, không phải năm trăm mà nhiều hơn thế nữa là những Nữ cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng”[26]

“...nữ cư sĩ Sujata diệt trừ ba kiết sử, ..., , ... chứng quả Dự lưu, ... đạt đến Chính giác...[27].

Thánh Nữ Cư Sĩ Visākhā, bà là người được đức Phật cho phép thực hiện tám thiện pháp trọn đời và đến nay vẫn còn duy trì, tiêu biểu là lễ dâng vải choàng tắm mưa vào tháng sáu và dâng y Kathina sau khi mãn mùa an cư tháng chín...Tất cả bậc Thánh sau chứng đắc quả A La Hán nếu là cư sĩ phải xuất gia hoặc phải tịch diệt trong ngày vì hình tướng cư sĩ không gánh nổi quả Thánh.

Hai là, thời gian là phương thuốc màu nhiệm sẽ làm thay đổi tất cả dù tốt hay xấu, tiêu cực hoặc tích cực và vai trò của nữ giới đã được minh chứng giá trị. Cái gì tồn tại, nảy sinh đều có cái lý của nó, tất cả sự vật hiện tượng đều nằm trong quy luật sinh diệt, có có không không, có rồi lại không, không rồi lại có. Thành trụ hoại không là vậy.

Tóm lại, dù là ở phẩm vị gì dù là Tu nữ, cư sĩ Nữ cũng đều là hình tướng của sắc pháp của tứ đại giai không, hình tướng không phải của ta, là ta, vài mươi năm cũng rũ bỏ thân xác vô ngã này. Vô thường không biết ngày nào réo gọi vì thế tu mau kéo trễ nên cũng không nhất thiết cần hình tướng không phải của ta làm gì. Tứ chúng mỗi việc là học Pháp, hành trì đúng Chính pháp, thành tựu Chính pháp và Tùy pháp cùng nhau tu học giải thoát “...*phải khéo học hỏi, thực chứng tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người*”[28]

Kết luận

Như vậy, chúng ta vừa khái quát qua quá trình và vai trò của nữ giới, của Tỳ kheo Ni Tu nữ và cư sĩ nữ trong Phật giáo Nguyên thủy và những biến đổi thăng

trầm xưa nay cũng như những vai trò, khả năng mạnh yếu ở nữ giới mà nam giới không hề có.

Sự biến mất của phẩm vị Tỳ kheo Ni và chúng ta có thể chia sẻ sự khao khát, mong mỗi phục hồi phẩm vị này ở nữ giới là có thật nhằm phát huy hơn nữa vai trò của nữ giới. Bên cạnh đó sự đóng góp của Tu nữ hoặc cận sự nữ thay thế cho Tỳ kheo Ni là điều không thể nghĩ bàn góp phần hoàng truyền cho giáo Pháp Phật Thích Ca ngày một lớn mạnh.

Tiến sĩ Sư cô Liễu Pháp, Tu nữ Mỹ Thúy...giảng viên Học viện Phật giáo TP. HCM là một trong những bậc thầy đóng góp ấy. Những gì tồn tại là có lý của nó. Cái này có cái kia có, cái kia không cái này không, tùy duyên thuận Pháp. Hiện thực của thời gian là câu trả lời rõ nét nhất. Dù sao cũng kính chúc quý cô tu hành tinh tấn Giới Định Tuệ ngõ hầu đạt những thành tựu Pháp trong ngày vị lai.

Ths. Nguyễn Ngọc Hùng và Đặng Thị Minh Phượng

Chú thích:

[1] Tỳ khưu Chánh Thân Việt dịch (Dhamakitti Rajaguru Thera), Sử liệu về Xá-Lợi rằng Phật (DATHAVAMSA), Nxb Tôn giáo 2010, tr 50.

[2] Kinh Tăng Chi, Chương Tám Pháp, (II. Phẩm Lớn. 19 A-Tu-La Pahàràda). <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tangchibo/tangchi08-0103.htm> Truy cập ngày 10-4-2024.

[3] Tiểu Bộ - Khuddhaka Nikaya (Ht Thích Minh Châu Việt dịch); Kinh Phật Thuyết Như vậy (Như Thị Ngữ); Chương Bốn - Bốn Pháp; Phẩm I, bản in nội bộ 2016, tr 349-350

[4] Bài kinh Bảy loại vợ - Kinh Tăng Chi bộ. Từ <https://phatgiao.org.vn/bai-kinh-bay-loai-vo--kinh-tang-chi-bo-d56513.html>. Truy cập ngày 10-3-2025.

[5] Tạng Luật, Tiểu phẩm tập II, Chương Tỳ khưu Ni, Tám Kính Pháp, Nxb Tôn giáo 2014, tr 344-346

[6] Tạng Luật, Bộ Phân tích giới Tỳ khưu Ni, 4.8. Phẩm Tu Viện, Nxb Tôn giáo 2014, tr 243

[7] Tạng Luật, Bộ Phân tích giới Tỳ khưu Ni, 4.8. Phẩm Tu Viện, Nxb Tôn giáo 2014, tr 249

[8] Tạng Luật, Tiểu phẩm 2, Nxb Tôn giáo 2014, tr 348

[9] Tạng Luật, Phân tích giới Tỳ khưu Ni, Phẩm Sản Phụ, Nxb Tôn giáo 2014, tr 260

[10] Tạng Luật, Tiểu phẩm 2, Nxb Tôn giáo 2014, tr 371-372

[11] Tạng Luật, Tiểu phẩm 2, Nxb Tôn giáo 2014, tr 372

[12] . Bohdi (Pháp Hỷ Dhammananda dịch) (2010), Sự phục hồi của chúng Tỳ kheo Ni trong truyền thống Nguyên thủy, Nxb Tôn giáo, tr. 5.

[13] Lễ húy nhật lần thứ 23 của Cố Ni trưởng Diệu Đáng tại chùa Bửu Long. Từ <http://www.trungtamhotong.org/index.php?module=news&function=detail&id=855#>
Truy cập ngày 10-3-2025

[14] Tỳ khưu Chánh Minh. Nữ giới và sự phục hồi Tỳ Khưu Ni Theravada, Nxb Tôn giáo 2023, tr tr 547.

[15] Tóm Lược Lịch Sử Ra Đời Ni Chúng Tu Nữ Nam Tông và thực trạng Tu Nữ Việt Nam- TN.TS. Mỹ Thúy từ <https://tununamtong.vn/tom-luoc-lich-su-ra-doi-ni-chung-tu-nu-nam-tong-va-thuc-trang-tu-nu-viet-nam/>. Truy cập ngày 13-3-2025.

[16] Phỏng vấn sư cô Hoa Tâm tại chùa Hoa Tâm, Đồng Nai

[17] Nội Quy Ban Tăng Sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. <https://phatgiaoquangnam.com/404-2/>. Truy cập ngày 29-5-2024.

[18] Tóm Lược Lịch Sử Ra Đời Ni Chúng Tu Nữ Nam Tông và thực trạng Tu Nữ Việt Nam- TN.TS. Mỹ Thúy từ <https://tununamtong.vn/tom-luoc-lich-su-ra-doi-ni-chung-tu-nu-nam-tong-va-thuc-trang-tu-nu-viet-nam/>. Truy cập ngày 13-3-2025.

[19] Kinh tương Ưng V- Tương Ưng Niệm Xứ, Phẩm Nalanda. <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tuongungbo/tu5-47a.htm>. Truy cập ngày 6-4-2024

[20] Trường Bộ Kinh (Digha Nikaya), 16. Kinh Đại Bát-Niết-Bàn (Mahàparinibbàna sutta). <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-truongbo/truong16.htm>. Truy cập ngày 18-5-2024

[21] Minh Đức Triều Tâm Ảnh, Sadi Trưởng lão, Nxb Văn Học 2016, tr 6.

[22] Tỳ khưu Chánh Minh, Nữ giới và sự phục hồi Tỳ khưu Ni THERAVADA, tr 533

[23] Trường Bộ Kinh (Digha Nikaya), 16. Kinh Đại Bát-Niết-Bàn (Mahàparinibbàna sutta). <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-truongbo/truong16.htm>. Truy cập ngày 18-5-2024

[24] Tăng chi Bộ Kinh-Chương Ba Pháp- Đấng Ghê Tởm. <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tangchibo/tangchi03-0104.htm>. Truy cập ngày 16-5-2024

[25] Tăng chi Bộ Kinh-Chương Một Pháp- XIV. Phẩm Người Tối Thắng. <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tangchibo/tangchi01-0114.htm>. Truy cập ngày 16-5-2024

[26] Trung Bộ Kinh-73. Đại kinh Vaccaghotta (Mahàvacchagotta sutta). <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung73.htm> Truy cập ngày 16-5-2024

[27] Trường Bộ Kinh. 16. Kinh Đại Bát-Niết-Bàn (Mahàparinibbàna sutta). Tụng Phẩm II. 8. <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-truongbo/truong16.htm>

[28] Đại Tạng Kinh Việt Nam (Hòa thượng Thích Minh Châu Việt dịch), Trung Bộ Kinh; Kinh Sakuludayi. <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung77.htm>. Truy cập ngày 7-4-2024

Tài liệu tham khảo:

Tiểu Bộ Kinh - Khuddhaka Nikaya (HT.Thích Minh Châu Việt dịch); Kinh Phật Thuyết Như Vậy (Như Thị Ngữ); Chương Bốn - Bốn Pháp; Phẩm I, bản in nội bộ 2016, tr 349-350

Tạng Luật, Tiểu phẩm tập II, Chương Tỳ khưu Ni, Tám Kính Pháp, Nxb Tôn giáo 2014, tr 344-346

Tạng Luật, bộ Phân tích giới Tỳ khưu Ni, 4.8. Phẩm Tu Viện, Nxb Tôn giáo 2014, tr 243-249

Tạng Luật, Tiểu phẩm 2, Nxb Tôn giáo 2014, tr 348

Tạng Luật, Phân tích giới Tỳ khưu Ni, Phẩm Sản Phụ, Nxb Tôn giáo 2014, tr 259

Bohdi (Pháp Hỷ Dhammananda dịch) (2010), Sự phục hồi của chúng Tỳ kheo Ni trong truyền thống Nguyên thủy, Nxb Tôn giáo, tr. 5.

Tỳ khưu Chánh Thân Việt dịch (Dhamakitti Rajaguru Thera), Sử liệu về Xá-Lợi rằng Phật (DATHAVAMSA), Nxb Tôn giáo 2010, tr 50.

Tỳ khưu Chánh Minh, Ni giới và sự phục hồi Tỳ khưu Ni THERAVADA, Nxb Tôn giáo 2023 tr 540.

Phỏng vấn sư cô Hoa Tâm tại chùa Hoa Tâm, Đồng Nai

Kinh tương Ưng V- Tương Ưng Niệm Xứ, Phẩm Nalanda.
<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tuongungbo/tu5-47a.htm>. Truy cập ngày 6-4-2024

Khai Trừ Tu Viện Phật Giáo Nam Tông Bodhinyana Vì Tổ Chức Cho Tu Nữ Thọ Đại Giới (Tỳ Kheo Ni) - Thích Minh Trí Dịch - Nữ Giới - THƯ VIỆN HOA SEN (thuvienhoasen.org). Truy cập ngày 27-5-2024.

Nội Quy Ban Tăng Sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
<https://phatgiaoquangnam.com/404-2/>. Truy cập ngày 29-5-2024.

Trường Bộ Kinh (Digha Nikaya), Kinh Đại Bát-Niết-Bàn (Mahàparinibbàna sutta).
<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-truongbo/truong16.htm>. Truy cập ngày 18-5-2024

Tăng chi Bộ Kinh-Chương Một Pháp- Phẩm Người Tối Thắng.
<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tangchibo/tangchi01-0114.htm>. Truy cập ngày 16-5-2024

Trung Bộ Kinh-73. Đại kinh Vaccaghotta (Mahàvacchagotta sutta).
<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung73.htm> Truy cập ngày 16-5-2024

Kinh Tăng Chi, Chương Tám Pháp, (Phẩm Lớn. 19 A-Tu-La Pahàràda).
<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tangchibo/tangchi08-0103.htm> Truy cập ngày 10-4-2024.

Thông tin tác giả:

1. ThS. Nguyễn Ngọc Hùng hiện là hoàng pháp viên chùa Bửu Quang (171/10 QL1A, P. Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP.HCM, VN). Ủy viên Thường trực Ban Thông tin Truyền thông Trung ương, Phân ban Thông tin Truyền thông Trung ương Phật giáo Nam tông Kinh. Thành viên Trung tâm nghiên cứu Tôn giáo, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, giáo viên lịch sử tại TP.HCM, ...

Tác giả đã có thời gian nghiên cứu Phật giáo Nguyên thủy trong quá trình hoàn thành luận văn Thạc sỹ tại Trường Đại học Sư phạm Huế (2013 - 2015) với đề tài “Phật giáo Nam tông Kinh Việt Nam (1938-1963)”. Năm 2017, đã xuất bản tác phẩm Phật giáo Nam tông Kinh Việt Nam (1938-1963) và nay 2023 chuẩn bị tái bản lần 2 có bổ sung.

- Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử tôn giáo, Phật giáo, chính sách tôn giáo...

2. Tiến sĩ Đặng Thị Minh Phượng:

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiện là giảng viên Khoa Lý luận chính trị - giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
- Hướng nghiên cứu: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại, giáo dục, an sinh xã hội,...
- Tổng số công trình khoa học: Viết hơn 50 công trình nghiên cứu (Đề tài cấp Đại học quốc gia, sách, tạp chí, kỷ yếu hội thảo quốc tế và trong nước,...).